

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

-----

**Trần Thị Thắm**

**KẾ TOÁN THU CHI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC CÔNG LẬP ĐÀO TẠO NHÓM NGÀNH KỸ THUẬT  
CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số: 62.34.03.01**

**Tóm tắt luận án tiến sĩ kinh tế**

**Hà Nội, Năm 2019**

**Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Thương mại**

**Người hướng dẫn khoa học: 1 PGS. TS Phạm Thị Thu Thủy**

**2. TS Bùi Hồng Quang**

**Phản biện 1: .....**

.....

**Phản biện 2: .....**

.....

**Phản biện 3: .....**

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường họp tại**

.....

**Vào hồi..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia**

**Thư viện Trường Đại học Thương mại**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, theo lộ trình cam kết của WTO chúng ta cần mở cửa cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo từ năm 2008. Do đó, hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các đối tác nước ngoài có nguồn đầu tư lớn, hệ thống giáo dục tiên tiến và đặc biệt là các dịch vụ đào tạo chất lượng cao. Nhận thức được điều đó, Việt nam đã và đang thực hiện chiến lược đổi mới toàn diện hệ thống GDĐH theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm thông qua các chính sách của Đảng và Nhà nước và đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Khởi đầu là *Nghị định số 10/2002/ NĐ- CP về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu* (Nghị định 10) tiếp đến là *Nghị định số 43/2006/ NĐ-CP, quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị SNCL* (Nghị định 43) đã mở rộng hơn quyền tự chủ của các trường đại học công lập (ĐHCL). Ngày 14/2/2015 Chính phủ tiếp tục ban hành *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập* (Nghị định 16) thay thế Nghị định 43 và được đánh giá là bước đột phá về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị SNCL nói chung. Riêng đối với các trường ĐHCL Chính phủ cũng đã ban hành *Nghị quyết số 77/2014/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục ĐHCL giai đoạn 2014- 2017* (Nghị quyết 77). Cơ chế tự chủ nhằm khuyến khích các đơn vị tự chủ thấp phấn đấu đạt được mức tự chủ cao hơn, đồng thời cũng là tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động khai thác và sử dụng hợp lý mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi cho ngân sách Nhà nước (NSNN). Mặt khác, thúc đẩy các trường ĐHCL phát triển cả về số lượng và chất lượng dịch vụ tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế khác theo cơ chế thị trường. Trong điều kiện đó thì các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam sẽ có nhiều thế mạnh hơn các trường đào tạo nhóm ngành khác bởi sản phẩm dịch vụ của trường đào tạo nhóm ngành KT-CN thường gắn liền với hoạt động SXKD của doanh nghiệp nên việc các trường khai thác và thương mại hóa sản phẩm khoa học, chuyển giao công nghệ sẽ mang lại nguồn thu tài chính đáng kể cho đơn vị khi nguồn kinh phí NSNN cấp ngày càng hạn hẹp. Song để các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN có được những sản phẩm dịch vụ chất lượng tốt đòi hỏi không ngừng đổi mới đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành...nhưng kinh phí từ NSNN cấp đầu tư cho các trường ngày một cắt giảm nên việc các trường chủ động hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong thực hiện các hoạt động dịch vụ nhằm tăng nguồn thu tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ là rất cần thiết và tất yếu và cũng là để giảm sự lệ thuộc vào NSNN.

Vậy để các trường đạt được mục tiêu đề ra đòi hỏi các công cụ quản lý phải phù hợp nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài chính của đơn vị cho các đối tượng sử dụng đặc biệt là các nhà quản lý. Việc ghi nhận và trình bày thông tin về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trên BCTC của đơn vị sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới việc sử dụng thông tin của nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định và điều hành.

Ngày 30/03/2006 Bộ Tài chính đã ban hành *Quyết định số 19/2006/QĐ- BTC* quy định về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) và sửa đổi, bổ sung theo *Thông tư số 185/2010/ TT-BTC* nhưng hệ thống kế toán HCSN mới chỉ là các hướng dẫn cụ thể về thực hành kế toán theo nội dung các hoạt động mang tính khung cứng tạo ra những quy định khuôn mẫu phục vụ cho việc kiểm soát của Nhà nước về tình hình sử dụng kinh phí NSNN cấp mà chưa tuân thủ theo khuôn mẫu chung được thừa nhận trên thế giới nên khi vận hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) nói chung tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN nói riêng theo cơ chế tự chủ đã gặp nhiều vướng mắc do kinh phí hoạt động của các trường được huy động từ nhiều nguồn khác nhau đặc biệt từ các nguồn kinh phí không có nguồn gốc từ NSNN mà là nguồn xã hội hóa nên việc ghi nhận và trình bày thông tin kế toán thu, chi và kết quả hoạt động theo Chế độ kế toán hiện hành đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng thông tin trình bày và công bố trên BCTC dẫn tới chất lượng thông tin kế toán cung cấp bị hạn chế.

Để khắc phục những hạn chế của Hệ thống kế toán ngày 10/11/2017 Bộ Tài chính đã ban hành *Thông tư số 107/2017/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán HCSN* thay thế Quyết định 19 và được áp dụng từ ngày 01/01/2018 nhưng Chế độ kế toán mới ban hành vẫn chỉ là hướng dẫn thực hiện các giao dịch mang tính thực hành, coi trọng hình thức của giao dịch nên hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu của một Hệ thống kế toán đồng bộ mang tính khuôn mẫu chung. Mặc dù Hệ thống kế toán mới ban hành đã có những thay đổi về bản chất chuyển từ kế toán cơ sở tiền mặt sang cơ sở kế toán dồn tích xong vẫn chưa đạt được kỳ vọng và cần có một Hệ thống CMKT trong lĩnh vực công phù hợp với thông lệ quốc tế.

Xuất phát từ các lý do trên, NCS đã chọn đề tài ***“Kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam”*** làm đề tài nghiên cứu Luận án là cấp thiết và có giá trị thiết thực trong giai đoạn hiện nay ở Việt nam trong tiến trình thực hiện tự chủ và hội nhập quốc tế.

## **2 Tổng quan tình hình nghiên cứu**

### **2.1 Tình hình nghiên cứu nước ngoài**

Các nghiên cứu của tác giả nước ngoài có liên quan đến nội dung của Luận án được tác giả tổng hợp theo các hướng nghiên cứu dưới đây:

### ***Các nghiên cứu về thông tin kế toán trong trường Đại học***

Tác giả Reich & A braham (2006), “*Activity Based Costing and Activity Data Collection: A Case study in the Hight Education Sector*”, Nghiên cứu của các tác giả Ajayi & Omirin (2007), “*The Use of Management Information Systems in Decision Making in The South- West Nigerian Universities*” Các tác giả Momoh & Abdulsalam (2014), “*Information Management Efficiency in Universities in Northern Nigeria: An Analysis*”

### ***Các nghiên cứu về ứng dụng mô hình kế toán trong các trường Đại học***

Tác giả Jarra, Smith và Dolley (2007) đã nghiên cứu về việc ứng dụng mô hình kế toán chi phí theo hoạt động vào các trường đại học tại Australia nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản lý và điều hành đơn vị được hiệu quả. Tác giả Adeyeme (2011), “*Impact of information and communication technology on the effective management of universities in South- West Nigeria*” Bằng công cụ thống kê mô tả và phân tích các mối quan hệ tương quan nghiên cứu đã đưa ra được kết luận rằng truyền thông và công nghệ thông tin là một biến quan trọng trong hiệu quả quản lý ở các trường ĐHCL thuộc miền Tây- Nam của Nigeria. Trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả hơn nữa của việc ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp các thông tin phục vụ cho quản lý của đơn vị.

## **2.2 Tình hình nghiên cứu trong nước**

Các vấn đề liên quan đến kế toán trong các đơn vị SNCL nói chung tại các trường ĐHCL nói riêng luôn được các nhà khoa học, các nhà quản lý chuyên môn nghiên cứu bởi kế toán trong mọi tổ chức luôn là một công cụ quan trọng nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài chính cho các đối tượng sử dụng để ra các quyết định quản lý và điều hành. Chỉ khi nào các đơn vị tổ chức hạch toán khoa học và hợp lý thì công tác kế toán mới có thể cung cấp được thông tin trung thực, chính xác kịp thời cho các đối tượng sử dụng.

### ***Các nghiên cứu về khung pháp lý và vận dụng CMKT công quốc tế trong các đơn vị sự nghiệp công***

Tác giả Hà Thị Ngọc Hà (2008) “*Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và chuẩn mực kế toán công quốc tế, khoảng cách và những việc cần làm*” và tác giả Đặng Thái Hùng (2011), “*khả năng vận dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế để xây dựng chuẩn mực kế toán công Việt Nam, phương án tiếp cận đưa chuẩn mực kế toán công quốc tế vào Việt Nam phù hợp với điều kiện thực tế*”, tác giả Phạm Quang Huy (2010), “*Phân tích nội dung của khuôn mẫu lý thuyết nền tảng và một số chuẩn mực áp dụng trong khu vực công trong hệ thống CMKT công quốc tế*”

### ***Các nghiên cứu đã được công bố về kế toán ở các đơn vị HCSN***

Tác giả Phan Thị Thu Mai (2012), “*Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nhằm tăng cường quản lý tài chính trong các đơn vị HCSN ngày Lao động và Thương binh xã hội*”, Tác giả Lê Thị Thanh Hương (2012), “*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế*”

ở Việt nam”, Nghiên cứu của tác giả Đậu Thị Kim Thoa (2015), “*Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các đơn vị sự nghiệp có thu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”, đề tài nghiên cứu khoa công nghệ cấp cơ sở

### ***Các nghiên cứu đã được công bố về kế toán trong các trường ĐHCL***

Nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán có tác giả Nguyễn Thị Minh Hương (2004) “*Tổ chức kế toán trong các trường đại học trực thuộc Bộ giáo dục và Đào tạo*” Luận án tiến sĩ trường Đại học Kinh tế quốc dân năm 2004, tác giả Phạm Thị Thu Thủy (2012) “*Tổ chức kế toán quản trị chi hoạt động tại các trường đại học công lập khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trên địa bàn Hà nội*”, đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ năm 2012

Nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán có các tác giả Đinh Thị Mai (2010), “*Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học công lập*”, Luận án tiến sĩ năm 2010. Tác giả Nguyễn Hữu Đồng (2012) “*Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học công lập Việt nam*”, Luận án Tiến sĩ trường Đại học kinh tế quốc dân năm 2012

### **2.3 Nhận xét tổng quan nghiên cứu và xác định vấn đề nghiên cứu**

Qua nghiên cứu tổng quan công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài Luận án theo nhiều hướng nghiên cứu khác nhau NCS nhận thấy nhìn chung các nghiên cứu đều muốn khẳng định và nhấn mạnh vai trò quan trọng của thông tin kế toán trong đơn vị và sự cần thiết của chất lượng thông tin kế toán cung cấp sẽ giúp cho những người sử dụng thông tin có thể đưa ra các quyết định đúng đắn và hiệu quả.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu trong các nghiên cứu là phương pháp nghiên cứu định lượng với nhiều kích cỡ mẫu khác nhau, đối tượng khảo sát khác nhau và công cụ để phân tích dữ liệu trong nghiên cứu của các tác giả cũng rất đa dạng. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã công bố mới chỉ tập trung vào các vấn đề tổng quát trong kế toán của các đơn vị công như nghiên cứu về hệ thống CMKT công quốc tế và sự hòa hợp cho hệ thống kế toán công quốc gia; các nghiên cứu về thông tin kế toán và chất lượng thông tin kế toán trong đơn vị công và tiếp cận sâu hơn đến các trường ĐHCL; các nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán trong đơn vị công... và cũng có những công trình nghiên cứu với mẫu cụ thể là các trường ĐHCL, các nghiên cứu cũng đã phân tích và làm rõ những vấn đề cốt lõi về thông tin kế toán, ứng dụng thông tin kế toán trong đơn vị công nói chung và các trường ĐHCL nói riêng nhưng chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công do việc đo lường hiệu quả hoạt động đơn vị công thường được nhìn nhận dưới góc độ hiệu quả tăng trưởng kinh tế - xã hội hơn là hiệu quả kinh tế. Song với quan điểm đổi mới hoạt động của các đơn vị công đặc biệt là theo hướng tự chủ, các đơn vị công cung cấp dịch vụ theo Luật giá thì việc đo lường hiệu quả hoạt động của các đơn vị công không chỉ trên góc độ kinh tế - xã hội mà cần phải được nhìn nhận trên cả góc độ tài chính. Do đó, việc có những nghiên cứu chuyên sâu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công trong cơ chế tự chủ như hiện nay là một hướng nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu lý luận và thực tiễn.

Hiện nay ở Việt nam, Giáo dục & Đào tạo và đặc biệt là GDĐH đã được nhìn nhận như một loại hình dịch vụ, không có sự phân biệt khu vực công hay khu vực tư. Trong trường hợp dịch vụ được cung cấp bởi các trường ĐHCL thì được coi là “dịch vụ công”, theo quan điểm đổi mới thì đây là hoạt động thực hiện theo Luật giá, được tính đủ chi phí. Trong điều kiện đó, việc nghiên cứu kế toán thu, chi và kết quả hoạt động ở mẫu là các trường ĐHCL đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra do các trường ĐHCL hiện nay nguồn thu từ học phí của người học có thể đạt được các mức tự chủ gồm tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; tự chủ chi thường xuyên và tự chủ một phần chi thường xuyên.

Hiện tại, chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu nghiên cứu cụ thể về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL và cũng chưa có nghiên cứu nào triển khai nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường ĐHCL nói chung. Các trường ĐHCL ghi nhận và trình bày thông tin kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trên BCTC có thể ảnh hưởng tới chất lượng thông tin kế toán cung cấp cho các đối tượng sử dụng. Do đó, theo tác giả đây là khoảng trống cần nghiên cứu sẽ có những đóng góp cả về lý luận và thực tiễn cùng với mẫu khảo sát là các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam sẽ giúp cho tác giả có thể tìm hiểu và đánh giá được thực trạng chính xác và có hiệu quả về hoạt động của các trường do đặc điểm hoạt động của các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN rất đa dạng, bao quát được đầy đủ các hoạt động của một trường ĐHCL ở Việt nam trong cơ chế tự chủ vì hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại các trường này đa dạng hơn so với các trường thuộc khối ngành kinh tế, xã hội...

Luận án được NCS xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu bao gồm:

(1) Tiếp tục nghiên cứu và bổ sung thêm những vấn đề lý luận về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL như: Khái niệm, phân loại, bản chất và cơ chế tài chính trong đơn vị SNCL. Sự khác nhau về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị giữa cơ sở kế toán tiền mặt và kế toán dồn tích. Từ đó giúp cho các đơn vị hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của kế toán thu, chi và kết quả hoạt động phục vụ cho người quản lý trong việc đưa ra các quyết định điều hành đơn vị trong cơ chế tự chủ.

(2) Tiếp tục nghiên cứu làm rõ và bổ sung cơ sở thực tiễn về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt Nam.

(3) Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt Nam trong tiến trình tự chủ.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

*Mục tiêu chung* là nghiên cứu hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam trong thực hiện cơ chế tự chủ.

*Mục tiêu cụ thể* bao gồm:

(1) Hệ thống làm rõ những lý luận cơ bản về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL bao gồm nội dung thu, chi và kết quả hoạt động; sự khác biệt giữa cơ sở kế toán tiền mặt và cơ sở kế toán dồn tích về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL; qui định mang tính khuôn mẫu của quốc tế và kinh nghiệm áp dụng CMKT công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL của một số quốc gia trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

(2) Nghiên cứu phân tích đánh giá thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam, chỉ ra những kết quả đạt được, những vấn đề còn hạn chế và các nguyên nhân.

(3) Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam trong cơ chế tự chủ trong thời gian tới và chỉ rõ các điều kiện để thực hiện giải pháp.

#### **4. Câu hỏi nghiên cứu của Luận án**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu được tác giả đặt ra gồm:

(1) Cơ sở lý luận về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập?

(2) Thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam có đáp ứng được yêu cầu cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các đối tượng sử dụng không?

(3) Cần phải làm gì để kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý và các đối tượng sử dụng thông tin trong cơ chế tự chủ trong thời gian tới?

#### **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **5.1 Đối tượng nghiên cứu**

Luận án tập trung nghiên cứu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam.

##### **5.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận án tập trung nghiên cứu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt Nam dưới góc độ kế toán tài chính trong những năm gần đây (từ năm 2012 đến năm 2017). Luận án chọn thời gian khảo sát thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017.

#### **6. Phương pháp nghiên cứu**

##### **6.1. Phương pháp thu thập dữ liệu**



Để có được các đánh giá thực tiễn tác giả đã tập trung khảo sát tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam trong những năm gần đây. Với qui mô mẫu khảo sát tác giả thu thập các thông tin chính về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động bằng việc gửi phiếu điều tra, thực hiện phỏng vấn các chuyên gia quản lý và kế toán trưởng các trường

## ***6.2 Phương pháp tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu***

Sau khi số liệu thu thập được từ điều tra tác giả sử dụng các phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp quy nạp, diễn giải, so sánh, phương pháp thống kê để phân tích các vấn đề lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở phiếu điều tra và câu hỏi phỏng vấn tác giả đã tổng hợp để đánh giá thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam. Luận án cũng vận dụng các phương pháp quy nạp, diễn giải, so sánh, phương pháp thống kê để phân tích các vấn đề lý luận và thực tiễn. Đồng thời tác giả sử dụng linh hoạt phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng làm cơ sở đưa ra các nhận định, đánh giá thực trạng để đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam.

## **7. Kết quả đạt được của Luận án**

### ***Những đóng góp mới về học thuật, lý luận***

Luận án đã hệ thống và phân tích rõ được những lý luận chung về đặc điểm hoạt động trong đơn vị SNCL, nghiên cứu kế toán kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị theo cơ sở kế toán tiền mặt và cơ sở kế toán dồn tích để đánh giá được ưu nhược điểm của từng cơ sở kế toán.

Luận án đã làm rõ kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL trên cơ sở các quy định mang tính khuôn mẫu của quốc tế và kinh nghiệm áp dụng CMKT công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL của một số quốc gia trên thế giới từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt nam.

### ***Những kết luận mới về đánh giá thực tiễn***

Luận án đã phân tích đánh giá đúng thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT-CN ở Việt Nam trong những năm gần đây và chỉ rõ những kết quả đã đạt được và những điểm còn hạn chế, các nguyên nhân của hạn chế.

### ***Những đề xuất mới về chính sách, giải pháp***

Luận án đã phân tích và chỉ rõ những yêu cầu có tính nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam. Luận án đã đề xuất được các giải pháp hoàn thiện về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam bao gồm 2 nhóm giải pháp:

(1) Nhóm giải pháp để hoàn thiện các vấn đề mang tính khuôn mẫu về kế toán kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại đơn vị SNCL thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo;

(2) Nhóm giải pháp về thực hành kế toán kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt nam trong tiến trình thực hiện cơ chế tự chủ. Luận án cũng đưa ra một số kiến nghị để thực hiện các giải pháp từ phía Nhà nước, các cơ quan chức năng và từ phía các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT-CN ở Việt nam.

## **8. Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung của Luận án gồm ba chương:

**Chương 1** Cơ sở lý luận về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị sự nghiệp công lập

**Chương 2** Thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam

**Chương 3** Định hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam

## CHƯƠNG 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THU, CHI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

## 1.1 Tổng quan về đơn vị sự nghiệp công lập

### 1.1.1 Khái niệm, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập

#### 1.1.1.1 Khái niệm đơn vị công

Tại mỗi một quốc gia trên thế giới để duy trì và vận hành bộ máy Nhà nước và thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội cần phải tiến hành tổ chức bộ máy các cơ quan trực thuộc nhằm đảm bảo việc duy trì hoạt động và thực hiện chức năng nhiệm vụ của Nhà nước được gọi chung là các đơn vị công. Các đơn vị công bao gồm các cơ quan công quyền của Nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ công. Theo chúng tôi **Đơn vị công là các cơ quan công quyền của Nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ công chịu sự quản lý và giám sát của Nhà nước**. Từ định nghĩa này chúng ta có thể hiểu đơn vị công bao gồm đơn vị hành chính công và các đơn vị sự nghiệp công.

#### 1.1.1.2 Đơn vị sự nghiệp công lập và phân loại

Theo chuẩn mực kế toán công quốc tế đơn vị sự nghiệp công lập là các đơn vị cung cấp dịch vụ công dựa vào tài trợ của Chính phủ để hoạt động liên tục.

Theo Chế độ kế toán Việt nam đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước quyết định thành lập để thực hiện một nhiệm vụ chuyên môn hay quản lý Nhà nước về một lĩnh vực nào đó và được hoạt động bằng nguồn kinh phí Nhà nước cấp được cấp trên cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các nguồn khác đảm bảo nguyên tắc không bồi hoàn trực tiếp để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kể từ năm 2010 khi có Luật Viên chức thì đơn vị sự nghiệp công lập được hiểu là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý Nhà nước.

#### Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập

Phân loại theo ngành, lĩnh vực hoạt động thì đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại thành đơn vị sự nghiệp y tế; đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo; đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ; đơn vị sự nghiệp thông tin, truyền thông và báo chí; đơn vị sự nghiệp kinh tế và đơn vị sự nghiệp khác.

Phân loại theo mức độ tự chủ phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thành đơn vị được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự và đơn vị chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự.

Phân loại theo mức độ đảm bảo kinh phí gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị được Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu quản lý trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể thì đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại theo tính chất, quy mô hay mức độ hoạt động của từng lĩnh vực hoạt động cụ thể.

### ***1.1.2 Bản chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập***

#### ***1.1.2.1 Hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập***

Hoạt động của đơn vị SNCL không vì mục tiêu lợi nhuận bởi đơn vị cung cấp dịch vụ công nhằm đảm bảo an sinh xã hội, được Nhà nước cho phép thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định để bù đắp một phần hay toàn bộ chi hoạt động và có tích lũy phát triển nhưng chịu sự điều tiết của Nhà nước.

#### ***1.1.2.2 Phân loại hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập***

Theo tính chất của giao dịch, hoạt động được chia thành 2 loại là giao dịch không trao đổi và giao dịch trao đổi;

Theo tính chất của hoạt động và mối quan hệ kinh phí ngân sách Nhà nước thì hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập được chia thành hoạt động sự nghiệp công; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; hoạt động tài chính và hoạt động khác;

Theo nguồn kinh phí sử dụng cho hoạt động thì hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập được chia thành hoạt động sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước) và hoạt động không sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

### ***1.1.3 Cơ chế tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập***

#### ***1.1.3.1 Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ***

Cơ chế tự chủ thực hiện nhiệm vụ cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ xây dựng kế hoạch nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và năng lực của đơn vị theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao. Các đơn vị được quyết định các biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đảm bảo chất lượng và tiến độ. Khi đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao được thực hiện các hoạt động dịch vụ phù hợp với chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội theo quy định của pháp luật.

#### ***1.1.3.2 Tự chủ về tổ chức và nhân sự***

Đối với đơn vị sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước được tự chủ tổ chức cơ cấu bộ máy của đơn vị sao cho phù hợp để thực hiện nhiệm vụ và được quyết định số lượng người làm việc trong đơn vị. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thì được chủ động xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị mình và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định. Đơn vị chủ động xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### ***1.1.3.3 Tự chủ về tài chính***

Được quy định cụ thể chi tiết đối với đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ toàn bộ và đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí

## ***1.2 Kế toán thu chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập***

### ***1.2.1 Cơ sở kế toán trong đơn vị sự nghiệp công lập***

Việc áp dụng cơ sở kế toán có vai trò quan trọng trong hạch toán kế toán, sẽ quyết định đến nguyên tắc ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính, quyết định đến tính chất của nguồn thông tin do kế toán cung cấp. Cơ sở kế toán sử dụng trong đơn vị sự nghiệp công lập gồm cơ sở kế toán tiền mặt và cơ sở kế toán dồn tích.

#### 1.2.1.1 Cơ sở kế toán tiền mặt

Cơ sở kế toán tiền mặt là cơ sở kế toán ghi nhận các nghiệp vụ và sự kiện khi tiền được nhận hoặc được trả, báo cáo tài chính được lập theo cơ sở kế toán tiền mặt sẽ cung cấp cho người sử dụng thông tin về nguồn tiền tăng trong kỳ, các mục đích mà tiền được sử dụng và số dư tiền tại ngày lập báo cáo. Những đánh giá tập trung trên báo cáo tài chính của đơn vị là số dư tiền và các thay đổi trong đó.

#### 1.2.1.2 Cơ sở kế toán dồn tích

Cơ sở kế toán dồn tích là một cơ sở kế toán theo đó các giao dịch và các sự kiện liên quan đến hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập được ghi nhận khi chúng phát sinh không phụ thuộc vào thực tế thu, chi tiền hoặc các khoản tương đương tiền thực thu, thực trả. Các giao dịch và sự kiện liên quan đến hoạt động được ghi chép vào sổ kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính của các kỳ kế toán tương ứng khi chúng phát sinh có thể không liên quan đến dòng tiền bởi những yếu tố được ghi nhận trên cơ sở dồn tích là tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu (tài sản thuần), doanh thu và chi phí.

1.2.1.3 Sự khác biệt giữa cơ sở kế toán tiền mặt và cơ sở kế toán dồn tích về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập

Trong đơn vị sự nghiệp công lập việc ghi nhận và trình bày thông tin về kế thu, chi và kết quả hoạt động theo cơ sở kế toán tiền mặt và cơ sở kế toán dồn tích có sự khác nhau về thời điểm ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động.

### ***1.2.2 Nội dung thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập***

#### 1.2.2.1 Doanh thu và phân loại doanh thu hoạt động

##### ***Khái niệm doanh thu hoạt động***

Theo tiếp cận nghiên cứu của kế toán doanh thu được hiểu là tổng giá trị lợi ích kinh tế đơn vị thu được trong kỳ báo cáo làm tăng tài sản thuần /vốn chủ sở hữu chứ không phải là khoản vốn góp của chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị về lợi ích kinh tế đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được, sự tăng lên về lợi ích kinh tế có thể là luồng tiền tăng lên tài sản, có thể là sự giảm đi nợ phải trả của đơn vị trong kỳ báo cáo. Tăng vốn chủ sở hữu do các lợi ích kinh tế đơn vị nhận được làm tăng lên tài sản hoặc giảm đi nợ phải trả chứ không phải khoản đóng góp vốn của các chủ sở hữu.

##### ***Phân loại doanh thu hoạt động***

*Phân loại theo bản chất giao dịch*, theo cơ sở kế toán dồn tích doanh thu được chia thành doanh thu từ các giao dịch trao đổi và doanh thu từ các giao dịch không trao đổi. Theo cơ sở kế toán tiền mặt thì doanh thu được chia thành thu phí và lệ phí; thu từ dịch vụ sự nghiệp; thu từ dự án và các khoản thu khác.

*Phân loại theo nội dung kinh tế*, theo cơ sở kế toán dồn tích doanh thu được chia thành doanh thu từ hoạt động thông thường và doanh thu từ hoạt động bất thường. Theo cơ sở kế toán tiền mặt doanh thu trong đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại thành doanh thu từ việc thu các loại thuế, phí, lệ phí; doanh thu từ các khoản viện trợ, trợ cấp; doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và doanh thu khác.

#### 1.2.2.2 Chi phí và phân loại chi phí hoạt động

##### ***Khái niệm chi phí hoạt động***

Theo Ủy ban chuẩn mực kế quốc tế (IASC) chi phí được hiểu là sự giảm đi về lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dẫn đến sự giảm đi vốn chủ sở hữu chứ không phải các khoản giảm đi do việc rút vốn cổ phần. Sự giảm đi các lợi ích kinh tế có thể là luồng tiền ra giảm đi tài sản hoặc tăng lên về nợ phải trả trong kỳ báo cáo. Giảm vốn chủ sở hữu do các phí tổn hay thiệt hại đơn vị gánh chịu làm giảm các lợi ích kinh tế đơn vị bị tài sản hoặc tăng nợ phải trả mà không phải khoản trả lại vốn góp của các chủ sở hữu.

##### ***Phân loại chi phí hoạt động***

Phân loại theo tính chất

Phân loại theo chức năng

Phân loại theo mục đích chi

#### 1.2.2.3 Kết quả và phân loại kết quả hoạt động

##### ***Khái niệm kết quả hoạt động***

Theo Ủy ban chuẩn mực kế quốc tế (IASC) thặng dư (thâm hụt) thuần trong kỳ là phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí hoạt động trong kỳ của đơn vị. Kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập được xác định là thặng dư hay thâm hụt trên cơ sở cân đối ngân sách trong kỳ.

##### ***Phân loại kết quả hoạt động***

Theo tính chất của chi phí thì kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được chia thành kết quả hoạt động thông thường và kết quả hoạt động bất thường

#### ***1.2.3 Kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ sở kế toán tiền mặt***

##### 1.2.3.1 Kế toán thu hoạt động

Về chứng từ kế toán; về TK kế toán, ghi nhận thu hoạt động; về sổ kế toán và trình bày thông tin

##### 1.2.3.2 Kế toán chi hoạt động

Về chứng từ kế toán; về TK kế toán, ghi nhận thu hoạt động; về sổ kế toán và trình bày thông tin

##### 1.2.3.3 Kế toán kết quả hoạt động

Về chứng từ kế toán; về TK kế toán, ghi nhận thu hoạt động; về sổ kế toán và trình bày thông tin

#### ***1.2.4 Kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ sở dồn tích***

##### ***1.2.4.1 Kế toán thu hoạt động***

Về chứng từ kế toán; về TK kế toán, ghi nhận thu hoạt động; về sổ kế toán và trình bày thông tin

##### ***1.2.4.2 Kế toán chi hoạt động***

Về chứng từ kế toán; về TK kế toán, ghi nhận thu hoạt động; về sổ kế toán và trình bày thông tin

##### ***1.2.4.3 Kế toán kết quả hoạt động***

Về chứng từ kế toán; về TK kế toán, ghi nhận thu hoạt động; về sổ kế toán và trình bày thông tin

### **1.3 Kinh nghiệm áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt nam**

#### ***1.3.1 Kinh nghiệm của Australia***

Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị công tại Australia được tiến hành theo chuẩn mực kế toán công của quốc gia của họ nhằm đảm bảo tính công bằng và tuân thủ chuẩn mực, tuân thủ tính hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích, trọng yếu và tập hợp, bù trừ và nhất quán.

#### ***1.3.2 Kinh nghiệm của Indonesia***

Kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công được hạch toán theo cơ sở dồn tích từ đó Bảng cân đối kế toán được xây dựng để triển khai kế toán dồn tích đầy đủ và với phương pháp kế toán mới này Chính quyền Trung ương Indonesia đã đưa ra được thành công Báo cáo tài chính toàn diện đầu tiên của mình năm từ năm 2004.

#### ***1.3.3 Bài học cho Việt nam***

(1) Bài học kinh nghiệm từ Australia, qua nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng CMKT công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại Australia cho thấy quốc gia này đã ban hành CMKT công về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công có sự tách riêng cho đơn vị hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận và đơn vị hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Nội dung của CMKT công của Australia về lập và trình bày BCTC về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động gần như tương đồng với IPSASs và ISA. Nội dung các CMKT công liên quan đến thu, chi và kết quả hoạt động rất rõ ràng và được biên soạn, trình bày chi tiết công phu, trong đó nội dung từng chuẩn mực chỉ rõ nội dung nào khác biệt với ISA và đã thay đổi nội dung nào so với trước đây. Việc quốc gia này đánh số CMKT theo nhóm để phân biệt nội dung chuẩn mực tương đương với ISA và nội dung chưa tương đương là việc làm rất sáng tạo, cần thiết và hữu ích cho người sử dụng CMKT để

người sử dụng có thể biết được mức độ tương đồng của CMKT quốc gia so với CMKT quốc tế ngay từ khi đọc số hiệu của các chuẩn mực. CMKT công của Australia về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động đặc biệt là chuẩn mực áp dụng cho các đơn vị không vì mục tiêu lợi nhuận luôn có quy định về việc giảm công bố thông tin và giới hạn đối tượng sử dụng thông tin. Các CMKT liên quan đến lập và trình bày BCTC đều quy định các thông tin cần công bố trên BCTC cho mục đích chung và BCTC cho mục đích đặc biệt. Chuẩn mực quy định thông tin cung cấp trên BCTC rất chi tiết, rõ ràng cụ thể và đầy đủ nhưng để tránh lộ bí mật. Trong những nội dung chuẩn mực thì cơ quan ban hành đã yêu cầu giảm công bố thông tin và giới hạn công bố thông tin trên BCTC cho mục đích chung.

(2) Bài học kinh nghiệm của Indonesia, CMKT công về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động của Chính phủ Indonesia là kế toán trên cơ sở tiền mặt hướng tới kế toán cơ sở dồn tích trong đó thu và chi theo cơ sở kế toán tiền mặt còn tài sản, nợ phải trả và cổ phần hóa theo cơ sở kế toán dồn tích. Trước khi quốc gia này cải cách hệ thống kế toán ghi chép kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công của Indonesia sử dụng bút toán đơn, báo cáo của đơn vị dựa trên cơ sở tiền mặt do không có CMKT công nhưng sau khi cải cách gắn kết với các CMKT quốc tế họ đã giải quyết được những điểm yếu của hệ thống kế toán trước đây bằng cách chuyển từ hệ thống bút toán ghi đơn sang bút toán ghi kép và từ cơ sở kế toán tiền mặt sang cơ sở kế toán dồn tích. Mô hình kế toán khu vực công của họ có sự thay đổi từ tập trung (chính quyền trung ương vẫn giữ toàn quyền kiểm soát) sang phân cấp (chính quyền địa phương có thẩm quyền thực hiện việc quản lý tài chính này). Từ đó dẫn tới có sự thay đổi từ cơ sở kế toán tiền mặt sang tiền mặt hướng tới dồn tích nhằm duy trì ghi chép giao dịch hàng ngày dựa trên các giao dịch tiền. Kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công của Indonesia được ghi nhận và trình bày theo cơ sở dồn tích nên “Bảng cân đối kế toán” trong đơn vị công của quốc gia này được xây dựng để triển khai kế toán dồn tích đầy đủ.

Vậy từ kinh nghiệm áp dụng CMKT công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công của một số quốc gia trên thế giới cùng với đặc thù kế toán công của Việt nam tồn tại nhiều chế độ kế toán. Bên cạnh đó Việt nam có sự khác biệt so với nhiều quốc gia trên thế giới trong phân cấp Ngân sách nên đây là một thách thức lớn, cùng với yêu cầu minh bạch thông tin về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL trong cơ chế quản lý tài chính tự chủ là rất cần thiết nên việc phân tích đánh giá và xác định đầy đủ những sự khác biệt cơ chế quản lý trong đơn vị SNCL giữa Việt nam so với quốc tế là nền tảng để kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị SNCL của Việt Nam tiến tới phù hợp với các thông lệ và CMKT quốc tế. Do đó để Việt nam làm được điều này chúng ta cần quán triệt quan điểm IPSAS không phải hoàn toàn phù hợp với mọi quốc gia đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Tại Việt nam việc vận dụng IPSAS trong kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL phải trên cơ sở chọn lọc và có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện đặc thù riêng của Việt Nam.

Qua bài học kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công và các phân tích trên chúng tôi cho rằng Việt Nam nên áp dụng CMKT công quốc tế trên cơ sở kế toán dồn tích đối với hoạt động trong đơn vị SNCL nói chung và trong kế toán



thu, chi và kết quả hoạt động nói riêng là cần thiết và đây sẽ là bước khởi đầu tốt cho quá trình xây dựng CMKT công của Việt nam điều này không chỉ đơn thuần là tạo nên tăng chất lượng báo cáo của đơn vị công mà nó còn được các tổ chức quốc tế thừa nhận và phù hợp với tình hình thực tại của Việt nam hiện nay theo quan điểm đổi mới hoạt động của các đơn vị công đặc biệt là theo hướng tự chủ các đơn vị công cung cấp dịch vụ theo Luật giá thì việc đo lường hiệu quả hoạt động của các đơn vị công ngoài góc độ kinh tế xã hội thì trên góc độ tài chính cũng sẽ là cần thiết và tất yếu. Khi đó, kế toán thu, chi và kết quả hoạt động được ghi nhận và trình bày trên BCTC của đơn vị SNCL trên cơ sở kế toán dồn tích sẽ đảm bảo tính minh bạch, phù hợp có khả năng so sánh và đặc biệt là tạo ra sự tin cậy đối với người sử dụng thông tin để ra các quyết định quản lý và điều hành đơn vị trong cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 1**

Qua nghiên cứu chương 1 của Luận án tác giả đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL. Bắt đầu từ việc nghiên cứu tổng quan về đơn vị SNCL và đặc điểm hoạt động trong đơn vị SNCL, qua các phân tích tác giả đã đưa ra được khái niệm đơn vị SNCL và đặc điểm hoạt động trong đơn vị SNCL. Trên cơ sở đó tác giả đã nghiên cứu kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL cơ sở kế toán tiền mặt và cơ sở kế toán dồn tích để tác giả có căn cứ để đưa ra các so sánh về ưu điểm và nhược điểm của từng cơ sở kế toán. Ngoài ra, chương 1 của Luận án tác giả còn nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng CMKT công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị công tại một số quốc gia trên thế giới để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt nam. Với việc nghiên cứu kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị SNCL và kinh nghiệm áp dụng CMKT công quốc tế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại một số quốc gia trên thế giới đã giúp cho tác giả rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt nam đây sẽ là cơ sở lý luận cho tác giả nghiên cứu thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ của Việt nam trong những năm gần đây ở chương 2 của Luận án.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THU, CHI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

#### 2.1 Tổng quan về các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ và đặc điểm hoạt động

##### 2.1.1 Khái niệm và phân loại trường đại học công lập

###### 2.1.1.1 Khái niệm trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ

Trên thế giới Trường đại học (University) là một cơ sở giáo dục bậc học chuyển tiếp của bậc phổ thông trung học dành cho những học sinh có khả năng và nguyện vọng học tập tiếp lên trên, Trường Đại học là một tổ chức cung cấp nền giáo dục cao và là nơi nghiên cứu, cấp bằng học thuật cho rất nhiều lĩnh vực ngành nghề, các Trường đại học cung cấp cho chương trình giáo dục đại học cho sinh viên và chương trình giáo dục sau đại học cho các học viên. Chúng tôi cho rằng “trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc sở hữu Nhà nước do Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Được Nhà nước thành lập thực hiện nhiệm vụ đào tạo kỹ thuật công nghệ ứng dụng của các nguyên tắc toán và khoa học khác vào thực tế để thiết kế, chế tạo và vận hành các cấu trúc, máy móc, quá trình, hệ thống một cách kinh tế và hiệu quả. Kỹ thuật là lĩnh vực mà ở đó kiến thức về khoa học tự nhiên và toán học có được thông qua học tập, nghiên cứu, thí nghiệm và thực hành được quyết định để phát triển các cách thức khai thác một cách kinh tế các vật liệu và năng lực thiên nhiên vì lợi ích của con người”.

###### 2.1.1.2 Phân loại trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ

- Phân loại theo vùng địa lý
- Phân loại theo qui mô hoạt động
- Phân loại theo ngành nghề đào tạo
- Phân loại theo phân tầng đào tạo
- Phân loại theo mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm

##### 2.1.2 Mô hình tổ chức hoạt động của các trường đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ

Mô hình tổ chức hoạt động của các trường đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ gồm mô hình tổ chức hoạt động trực thuộc Đại học Quốc gia và mô hình tổ chức hoạt động của trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ trực thuộc Bộ chủ quản

##### 2.1.3 Đặc điểm hoạt động trong các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ Việt nam

###### 2.1.3.1 Tổ chức hoạt động trong các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ

Trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ ở Việt nam hoạt động gồm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao (hoạt động sự nghiệp) và hoạt động SXKD, dịch vụ; hoạt động tài chính và hoạt động khác

###### 2.1.3.2 Nội dung thu chi và kết quả hoạt động trong các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ

Thu hoạt động trong các trường gồm thu NSNN, thu phí lệ phí, thu hoạt động SXKD, dịch vụ; thu tài chính và thu khác

Chi hoạt động trong các trường hầu hết các trường đều phân bổ cơ cấu nguồn chi cho hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, chi hoạt động tài chính và chi hoạt động khác

#### **2.1.4 Quản lý tài chính đối với hoạt động tại các trường đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ**

##### **2.1.4.1 Trường tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư**

Về nguồn tài chính gồm nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp công, nguồn ngân sách Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có); Nội dung chi đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ

##### **2.1.4.2 Trường đại học công lập tự chủ một phần kinh phí chi phí thường xuyên**

Nguồn tài chính của các trường bao gồm nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí); nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có); nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật, các trường được tự chủ sử dụng các nguồn tài chính được giao tự chủ chi thường xuyên. Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định, khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định; trường hợp còn thiếu, ngân sách Nhà nước cấp bổ sung. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính đơn vị được quyết định mức chi nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

#### **2.1.5 Tổ chức công tác kế toán tại các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ**

##### **2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán và nhân sự**

Qua kết quả khảo sát có 12/38 trường chiếm tỷ lệ 23,34% trường áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung, có 16/38 trường chiếm tỷ lệ 76,66% trường áp dụng theo mô hình tổ chức kế toán vừa tập trung vừa phân tán.

##### **2.1.5.2 Chính sách kế toán**

Theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% thực hiện chính sách kế toán theo Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành. Các niên độ kế toán từ trước năm 2018 thực hiện Chế độ kế toán theo Quyết định 19 và sửa đổi bổ xung. Từ năm 2018 thực hiện theo Thông tư 107/2017/TT- BTC. Niên độ kế toán của các trường đều bắt đầu từ ngày 01/01 và ngày kết thúc là 31/12 hàng năm, đơn vị tiền tệ áp dụng thống nhất trong các trường là đồng Việt nam, hệ thống chứng từ, hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Về cơ sở kế toán áp dụng trong kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường theo kết quả khảo sát như sau: Đối với hoạt động sự nghiệp có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% trường ghi nhận thu, chi và kết quả hoạt động sự nghiệp theo cơ sở kế toán tiền mặt. Đối với hoạt động dịch vụ có 36/38 trường chiếm tỷ lệ 94,73% áp dụng cơ sở kế toán tiền mặt có 2/38 trường chiếm tỷ lệ 5,26 % trường áp dụng cơ sở kế toán dồn tích để ghi nhận thu, chi và kết quả hoạt động. Về hệ thống tài khoản kế

toán kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% sử dụng bao gồm tài khoản cấp I, tài khoản kế toán cấp II, III....

Về hệ thống sổ kế toán trong các trường có 20/38 trường chiếm tỷ lệ 52,63% áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung có 11/38 trường chiếm tỷ lệ 28,95% trường ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ và có 7/38 trường chiếm tỷ lệ 18,42% áp dụng hình thức Nhật ký- Sổ cái và 100% các trường trong mẫu nghiên cứu đều sử dụng phần mềm kế toán để hỗ trợ công tác kế toán. Về trình bày thông tin về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trên báo cáo tài chính có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% trường trong mẫu trình bày thông tin trên báo cáo tài chính theo Chế độ kế toán trên cơ sở kế toán tiền mặt cho các năm tài chính từ năm 2017 trở về trước. Từ năm 2018 các trường bày thông tin về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trên báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích.

## **2.2 Thực trạng quy định pháp lý về tài chính và kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị sự nghiệp công lập**

### **2.2.1 Thực trạng xây dựng và ban hành khuôn khổ pháp lý về tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập**

Các văn bản Luật và dưới Luật đã tạo hành lang pháp lý về tài chính và kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập là các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ

### **2.2.2 Thực trạng quy định kế toán thu chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị sự nghiệp công lập**

Từ trước năm 2018 quy định đối với kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo QĐ19/2006/QĐ-BTC về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Từ năm 2018 thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp nhưng Chế độ kế toán hiện hành mới chỉ là các hướng dẫn thực hành kế toán mà không mang tính khuôn mẫu theo thông lệ quốc tế.

## **2.3 Thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ Việt nam**

### **2.3.1 Thực trạng cơ sở kế toán ghi nhận các giao dịch thu, chi và kết quả hoạt động**

#### **2.3.1.1 Đối với kinh phí ngân sách Nhà nước**

Theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu nghiên cứu ghi nhận nguồn kinh phí khi có Quyết định giao dự toán về Kho bạc Nhà nước (đơn vị xác định nguồn kinh phí được giao trên TK ngoài bảng). Khi sử dụng nguồn kinh phí nếu đủ điều kiện thanh toán qua Kho bạc kiểm soát cho phép ghi thực thu và thực chi. Nếu chưa đủ điều kiện thanh toán cho phép tạm ứng thanh toán, khi đủ điều kiện chuyển sang thực thu, thực chi. Các nguồn kinh phí không thường xuyên được thanh toán trong thời gian chính lý Quyết toán 30/1 năm sau điều này cho thấy với nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước các trường đã kết chuyển nguồn kinh phí trên cơ sở tiền mặt mở rộng.

#### **2.3.1.2 Đối với hoạt động sự nghiệp**

Có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu khảo sát ghi nhận thu hoạt động khi thực nhận tiền học phí, lệ phí của người học, số học phí của kỳ học chưa thu được các trường không ghi nhận là khoản phải thu sinh viên mà chuyển sang kỳ sau ghi nhận khi thực nhận, các giao dịch chi hoạt động thực hiện ghi chi khi các trường thực chi có đủ điều kiện thanh toán và ghi tạm ứng thanh toán khi các trường chưa đủ điều kiện ghi chi. Kết thúc năm tài chính toàn bộ số thu, chi trong kỳ cho phép các trường xác định để ghi thu, ghi chi trong “Báo cáo quyết toán thu, chi Ngân sách”. Số kinh phí chưa sử dụng hết các trường được chuyển sang năm sau các giao dịch tạm chi chưa đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang năm sau tiếp tục thanh toán.

#### 2.3.1.3 Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ

Theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% thực hiện hoạt động theo cơ chế thị trường

### 2.3.2 *Thực trạng kế toán thu hoạt động*

#### 2.3.2.1 Chứng từ kế toán

Chứng từ thu hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ theo kết quả khảo sát gồm có các chứng từ thủ tục và các chứng từ làm căn cứ ghi sổ kế toán làm cơ sở pháp lý cho số liệu, tài liệu cho kế toán tài chính

#### 2.3.2.2 Vận dụng tài khoản kế toán

Đối với kinh phí ngân sách Nhà nước kết quả khảo sát 100% mẫu khảo sát sử dụng các tài khoản 461 “nguồn kinh phí hoạt động”; tài khoản 462 “nguồn kinh phí dự án”; tài khoản 008 “dự toán chi hoạt động”; tài khoản 009 “dự toán chi chương trình, dự án”.

Đối với hoạt động sự nghiệp kết quả khảo sát 100% mẫu nghiên cứu sử dụng TK 511- Các khoản thu để ghi nhận thu hoạt động sự nghiệp.

Đối với hoạt động sản xuất, dịch vụ kết quả khảo sát có 3/38 trường chiếm tỷ lệ 7,9% mẫu khảo sát sử dụng tài khoản 511- Các khoản thu ghi nhận để ghi nhận thu hoạt động và có 35/38 trường chiếm tỷ lệ 92,10% sử dụng tài khoản 531- Thu hoạt động sản xuất kinh doanh để ghi nhận.

Đối với nguồn thu tài chính và nguồn thu khác theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu sử dụng tài khoản 511 “các khoản thu”

#### 2.3.2.3 Sổ kế toán

Để ghi chép và theo dõi thu hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% đều mở sổ kế toán chi tiết và sổ cái để theo dõi thu hoạt động.

#### 2.3.2.4 Trình bày thông tin

Thu hoạt động từ năm 2017 trở về trước đều được các trường trình bày trong báo cáo tài chính tại “Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Từ niên độ kế toán 2018 trở lại đây thực hiện theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC

### 2.3.3 *Thực trạng kế toán chi hoạt động*

### 2.3.3.1 Chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán chi hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu khảo sát chứng từ kế toán chi hoạt động trong bộ hồ sơ kế toán đều có các chứng từ làm căn cứ ghi sổ và các chứng từ thủ tục

### 2.3.3.2 Tài khoản kế toán chi hoạt động

Đối với chi hoạt động từ kinh phí ngân sách Nhà nước cấp kết quả khảo sát 100% mẫu khảo sát sử dụng các tài khoản 661 “chi hoạt động”; tài khoản 662 “chi dự án”; tài khoản 008 “dự toán chi hoạt động”; tài khoản 009 “dự toán chi chương trình, dự án”. Đối với chi hoạt động sự nghiệp kết quả khảo sát 100% mẫu nghiên cứu sử dụng tài khoản 661- Chi hoạt động để ghi nhận chi hoạt động sự nghiệp. Đối với chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ kết quả khảo sát có 3/38 trường chiếm tỷ lệ 7,9% mẫu khảo sát sử dụng tài khoản 661- Chi hoạt động để ghi nhận và có 35/38 trường chiếm tỷ lệ 92,10% sử dụng tài khoản 631- Chi hoạt động sản xuất kinh doanh để ghi nhận. Đối với chi hoạt động tài chính và chi khác theo kết quả khảo sát cho thấy có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu khảo sát kế toán sử dụng tài khoản 661- chi hoạt động để ghi nhận chi hoạt động tài chính và chi khác

### 2.3.3.3 Ghi sổ kế toán

Việc ghi sổ kế toán chi hoạt động trong các trường theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu khảo sát đều mở sổ kế toán theo dõi chi tiết đối với hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

### 2.3.3.4 Về trình bày thông tin

Từ năm 2017 trở về trước đều được các trường trình bày trong báo cáo tài chính tại “Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Từ niên độ kế toán 2018 trở lại đây thực hiện theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC

## 2.3.4 Kế toán kết quả hoạt động

### 2.3.4.1 Chứng từ kế toán

Theo kết quả khảo sát có 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu khảo sát kế toán các trường đều vận dụng và chấp hành Chế độ chứng từ về kế toán kết quả hoạt động làm cơ sở pháp lý cho số liệu, tài liệu kế toán tài chính trong các trường.

### 2.3.4.2 Tài khoản kế toán

Kết quả khảo sát 38/38 trường chiếm tỷ lệ 100% mẫu khảo sát khi báo cáo quyết toán chi hoạt động được duyệt kế toán tiến hành kết chuyển số chi hoạt động vào nguồn kinh phí hoạt động ghi giảm nguồn kinh phí hoạt động trên tài khoản -Nguồn kinh phí hoạt động và ghi giảm chi hoạt động trên tài khoản - Chi hoạt động đồng thời kế toán kết chuyển thu hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao được kết chuyển ghi giảm tài khoản 511- Các khoản thu và ghi tăng tài khoản 461- Nguồn kinh phí hoạt động và sử dụng tài khoản 421- Chênh lệch thu chi chưa xử lý để ghi nhận kết quả hoạt động của đơn vị.

### 2.3.4.3 Sổ kế toán

Việc ghi sổ kế toán kết quả hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ theo kết quả khảo sát 100% mẫu khảo sát được kế toán mở sổ cái tài khoản “kết quả hoạt động” để theo dõi tổng hợp kết quả hoạt động trong kỳ của đơn vị

#### 2.3.4.4 Trình bày thông tin

Từ năm 2017 trở về trước đều được các trường trình bày trong báo cáo tài chính tại “Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Từ niên độ kế toán 2018 trở lại đây thực hiện theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC

### **2.4 Đánh giá thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ Việt nam**

#### **2.4.1 Ưu điểm**

Về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường đã đạt được các ưu điểm cụ thể dưới đây:

*Thứ nhất*, về sử dụng cơ sở kế toán đối với hoạt động trong các trường bước đầu đã có một số trường thực hiện theo cơ sở kế toán dồn tích nên việc xác định và ghi nhận thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường sẽ phản ánh đúng bản chất của giao dịch, tạo sự khách quan.

*Thứ hai*, về thực hành kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường cho thấy hệ thống chứng từ ban đầu của các trường áp dụng đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nội dung của tổ chức chứng từ kế toán thu, chi và kết quả hoạt động.

#### **2.4.2 Hạn chế và nguyên nhân**

##### 2.4.2.1 Hạn chế

Hạn chế về cơ chế tài chính

Hạn chế về kế toán

##### 2.4.2.2 Những nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân chủ quan

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Tác giả nghiên cứu tổng quan về các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ, đặc điểm hoạt động và quản lý tài chính trong các trường, tác giả đã đi sâu phân tích các nội dung về thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường trong những năm gần đây. Trên cơ sở nội dung về thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường tác giả đã đánh giá thực trạng kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường trên hai mặt là ưu điểm và những điểm hạn chế về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động. Trên cơ sở các hạn chế về kế toán thu chi và kết quả hoạt động trong các trường tác giả đã phân tích các nguyên nhân của hạn chế để từ đó tác giả có định hướng đề xuất các giải pháp hoàn thiện

### CHƯƠNG 3

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN THU, CHI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

### **3.1 Định hướng phát triển hoạt động tại các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ của Việt nam**

#### **3.1.1 Xu hướng phát triển các trường đại học công lập**

#### **3.1.2 Xu hướng phát triển hoạt động trong các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ**

### **3.2 Quan điểm hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ**

*Quan điểm 1:* Hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ phải đi đôi với việc hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, chính sách kế toán và nâng cao nhận thức phát huy vai trò quan trọng của kế toán trong công tác quản lý tài chính tại các đơn vị.

*Quan điểm 2:* Hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ vừa phải đảm bảo tuân thủ các qui định của Luật kế toán, Chế độ kế toán hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để không làm phá vỡ tính thống nhất của hệ thống kế toán

*Quan điểm 3:* Hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ phải đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm hoạt động của các trường

*Quan điểm 4:* Hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ phải dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng kế toán

### **3.3 Giải pháp hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo ở Việt nam**

#### **3.3.1 Giải pháp hoàn thiện các vấn đề mang tính khuôn mẫu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo**

##### **3.3.1.1 Áp dụng cơ sở kế toán cho việc ghi nhận và trình bày các giao dịch**

##### **3.3.1.2 Giải pháp vận dụng chuẩn mực kế toán**

Theo quan điểm của chúng tôi giải pháp vận dụng chuẩn mực kế toán trong kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong những năm tới cần thiết được thực hiện theo một trong hai phương án được đề xuất như sau:

**Phương án 1** Cho phép các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ vận dụng chuẩn mực kế toán doanh nghiệp của Việt nam trong kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tự chủ bởi cơ chế tài chính quy định theo Nghị định 16/2015/ NĐ-CP cho phép các đơn vị có mức độ tự chủ cao thì các đơn vị được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Khi áp dụng các



trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản và các nguyên tắc liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động cụ thể

**Phương án 2** Đề xuất các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ áp dụng CMKT công quốc tế trên cơ sở kế toán dồn tích về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường nhằm đảm bảo cho mục tiêu cung cấp thông tin của các trường trên báo cáo tài chính và có thể so sánh với báo cáo tài chính giữa các kỳ cũng như so sánh báo cáo tài chính với các đơn vị khác nhau trong cùng lĩnh vực. Khi đó kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường cần vận dụng Chuẩn mực IPSAS1- Trình bày báo cáo tài chính. Trên cơ sở nguyên tắc chung là nền tảng cho việc ghi nhận và trình bày các giao dịch liên quan đến thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ thì các trường cần phải tuân thủ các chuẩn mực kế toán công quốc tế cụ thể có liên quan đến thu, chi và kết quả hoạt động

### ***3.3.2 Giải pháp hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ***

3.3.2.1 Giải pháp hoàn thiện kế toán thu hoạt động

3.3.2.2 Giải pháp hoàn thiện kế toán chi hoạt động

3.3.2.3 Giải pháp hoàn thiện kế toán kết quả hoạt động

## **3.4 Điều kiện nhằm triển khai các giải pháp**

### ***3.4.1 Về phía Nhà nước và các Bộ ngành***

Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính, hệ thống pháp luật và hoàn thiện Chế độ kế toán phù hợp với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Bộ giáo dục và Đào tạo cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2005/NĐ-CP áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đồng thời ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với lĩnh vực đào tạo đại học làm cơ sở xác định giá dịch vụ công khi cơ chế tài chính đối với các đơn vị là các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ của Việt nam thay đổi theo xu hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm giống như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cùng với đó ngày 20/11/2015 Quốc hội đã thông qua Luật số 88/2015/QH13- Luật Kế toán (sửa đổi) thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH1. Thông tư 107/2017/TT-BTC cần được hoàn thiện có hướng dẫn cụ thể về điều kiện ghi nhận, phân biệt rõ việc ghi nhận giữa các giao dịch ngân sách Nhà nước cấp với các giao dịch Nhà nước đặt hàng theo nhiệm vụ.

### ***3.4.2 Về phía các trường đại học công lập đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ của Việt nam***

Các trường cần thiết phải căn cứ vào cơ chế tài chính và Chế độ kế toán hiện hành để hạch toán kế toán thu, chi và kết quả hoạt động của đơn vị nhằm cung cấp chính xác các thông tin kế toán phục vụ yêu sử dụng thông tin cho các đối tượng bên trong và bên ngoài đơn vị. Đặc biệt là các nhà quản lý và điều hành đơn vị nhằm phát huy hiệu quả mọi nguồn tài chính của đơn vị mình.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Qua nghiên cứu lý thuyết, kết hợp với khảo sát thực tế, tham khảo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và các nhà nghiên cứu, trên cơ sở đánh giá những điểm còn tồn tại về kế toán toán thu, chi và kết hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ của Việt Nam, chương 3 của Luận án tác giả đã đề cập đến định hướng phát triển hoạt động trong các trường trong thời gian tới. Trên cơ sở định hướng phát triển hoạt động của các trường để hình thành các quan điểm hoàn thiện kế toán thu, chi và kết hoạt động tại các trường tác giả đưa ra các nhóm giải pháp để hoàn thiện kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ của Việt Nam trong thời gian tới bao gồm hai nhóm giải pháp chính là nhóm giải pháp hoàn thiện các vấn đề mang tính khuôn mẫu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; nhóm giải pháp về thực hành kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường Đại học công lập đào tạo nhóm ngành kỹ thuật công nghệ của Việt Nam theo cơ chế tự chủ tài chính trong thời gian tới.

### KẾT LUẬN

Cơ chế tự chủ đã mở ra cho các đơn vị SNCL nói chung trong đó có các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN nói riêng nhiều cơ hội nhưng cũng gặp không ít khó khăn và thách thức.

Để các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN hoạt động theo chính sách xã hội hoá giáo dục của Nhà nước, nâng cao chất lượng dịch vụ công, không phụ thuộc vào kinh phí NSNN. Khi đó, thông tin về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các trường là rất cần thiết để các nhà quản lý và điều hành đơn vị ra quyết định quản lý và điều hành hoạt động đơn vị theo cơ chế tự chủ giống như hoạt động của doanh nghiệp.

Với việc nghiên cứu cơ sở lý luận về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị SNCL và thực trạng kế toán thu chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN Luận án đã có những so sánh, đánh giá thực trạng và tìm ra những mặt còn hạn chế để làm cơ sở đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán thu chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN trong cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thời gian tới nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản lý góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cho đơn vị trong cơ chế tự chủ và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện Luận án tác giả đã hết sức cố gắng và mong muốn giải quyết một cách triệt để các vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu. Song do những khó khăn trong thu thập tài liệu, tìm hiểu thực tiễn cũng như năng lực nghiên cứu và tài chính của tác giả còn hạn chế nên kết quả của Luận án không thể tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học để tác giả hoàn thiện kiến thức và nâng cao chất lượng các công trình khoa học của mình trong tương lai.

Trong phạm vi của Luận án tác giả mới chỉ đề xuất các nhóm giải pháp hoàn về các vấn đề mang tính khuôn mẫu về kế toán thu, chi và kết quả hoạt động trong các đơn vị SNCL thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo và về thực hành kế toán thu, chi và kết quả hoạt động tại các trường ĐHCL đào tạo nhóm ngành KT- CN ở Việt Nam theo cơ chế tự chủ tài chính trong thời gian tới.